

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH DIỆP INTIMEX VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THANH DIỆP INTIMEX VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH DIEP INTIMEX VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH DIEP CO.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107298773

**3. Ngày thành lập:** 16/01/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 56, phố Miếu Đàm, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.200.2587

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2011        |
| 2.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                                                      | 2012        |
| 3.  | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>- Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ;<br>- Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây; | 2021        |
| 4.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                                                                                                                                           | 0118        |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                   | 0130        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                             | 0161(Chính) |
| 7.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                                            | 0164        |
| 8.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                             | 1030        |
| 9.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                            | 1062        |
| 10. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                    | 1075        |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                              | 5210        |
| 12. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5224        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                        | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 14. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                             | 4711                                                                |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4721                                                                |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                 | 4722                                                                |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chỉ gồm có: Đại lý;                                                                                                                                                                 | 4610                                                                |
| 18. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                           | 4620                                                                |
| 19. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                     | 4631                                                                |
| 20. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                               | 4632                                                                |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau:<br>Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;                        | 4773                                                                |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                              | 4931                                                                |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chỉ gồm có: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                                                                            | 4932                                                                |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                   | 4933                                                                |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;                                                                         | 8299                                                                |
| 26. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                               | 7210                                                                |
| 27. | (Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật). | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG THÁI THANH | Số 6, ngách 87, ngõ 639 Vĩnh Phúc 1, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 55,556    | 001185003884                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                 | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 55,560    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐẶNG HÀ PHAN    | Số 6, ngách 87, ngõ 639 Vĩnh Phúc 1, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 27,778    | 001094003590                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                 | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 27,780    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐẶNG VĂN HẢ     | Số 25, phố An Thành, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 8,333     | 034057000050                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                                 | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 8,330     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | LÊ MAI ANH      | P6-C10 Tập thể Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 5,556     | 011634971                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                 | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 5,560     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN THỊ MAI  | Tổ 9, Phường Hữu Nghị, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 5.000      | 50.000.000            | 2,778     | 113205751                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                 | Tổng số           | 5.000      | 50.000.000            | 2,780     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐẶNG THÁI THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: 22/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185003884

Ngày cấp: 06/02/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*Số 6, ngách 87, ngõ 639 Vĩnh Phúc 1, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*Số 6, ngách 87, ngõ 639 Vĩnh Phúc 1, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội